

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN E  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/DS-ST  
Ngày 28 - 6 - 2022  
V/v Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Quốc Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Hoàng Sơn;
2. Ông Hoàng Tuyển.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Công Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quốc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2022/TLST- DS, ngày 06 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXST-DS ngày 23/5/2022, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ. Địa chỉ: Thôn A, xã EH, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Bùi Nguyễn Quốc T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn A, xã EH, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Bị đơn: Ông Rbam Y T (vắng mặt), bà Trương Thị M và ông Rbam Trương Y Q (đều có mặt). Địa chỉ: Thôn B, xã EH, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Bùi Nguyễn Quốc T trình bày:*

Ngày 28/6/2020, bà Nguyễn Thị Đ có cho ông Rbam Y T, bà Trương Thị

M, ông Rbam Trương Y Q vay số tiền 100.000.000 đồng. Thời hạn trả nợ là 10 ngày, tức ngày 08/7/2020. Vào ngày 16/01/2021, bà Đ tiếp tục cho ông Rbam Y T, bà Trương Thị M, ông Rbam Trương Y Q vay số tiền 100.000.000 đồng. Thời hạn trả nợ là 01 tháng, tức ngày 16/02/2021. Tổng số tiền mà bà Đ cho ông Rbam Y T, bà Trương Thị M, ông Rbam Trương Y Q vay là 200.000.000 đồng.

Đến thời hạn trả nợ, mặc dù bà Đ đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả tiền nhưng bị đơn không trả mà cứ khất lần. Do đó, bà Đ yêu cầu Tòa án buộc ông Rbam Y T, bà Trương Thị M, ông Rbam Trương Y Q phải trả cho bà Đ tổng số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng. Bà Đ không yêu cầu tính lãi suất.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn bà Trương Thị M, ông Rbam Y T trình bày:*

Chúng tôi thừa nhận phần trình bày của nguyên đơn là đúng sự thật. Chúng tôi thừa nhận còn nợ của bà Nguyễn Thị Đ số tiền 200.000.000 đồng. Nay, bà Đ khởi kiện yêu cầu chúng tôi phải trả số tiền trên thì chúng tôi đồng ý. Nhưng do không thể có ngay số tiền lớn để trả nợ nên chúng tôi xin trả hên bà Đ, sau 04 tháng sẽ trả cho bà Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ngoài ra, tôi không có ý kiến gì khác.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn anh Rbam Trương Y Q trình bày:*

Vào lúc 12 giờ 45 phút, ngày 04/4/2022, khi tôi đang ở nhà thì mẹ tôi là bà Trương Thị M có gọi điện thoại cho tôi nói về việc bác TH, Đ muốn tôi xuống nhà bác TH để nói chuyện về vấn đề ba mẹ tôi có vay của hai bác số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu) từ năm 2020. Số tiền trên ba mẹ tôi vay để làm ăn, nhưng do làm ăn thua lỗ nên không có khả năng đóng tiền lãi cho hai bác mỗi tháng 10.000.000 đồng. Hai bác gọi tôi xuống và nói ba mẹ tôi có vay của hai bác số tiền là 200.000.000 đồng. Nhưng do hoàn cảnh gia đình tôi nên hai bác cho nợ lại mà không tính lãi suất, khi nào có thì trả lại cho hai bác số tiền trên. Vì ba mẹ tôi và hai bác có quen biết và để sau này nếu ba mẹ tôi mất thì tôi có trách nhiệm trả lại cho hai bác số tiền trên. Nên tôi đã đồng ý ký vào 02 giấy vay nợ đề ngày 16/01/2021 và giấy vay nợ ngày 28/6/2020. Nay, bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu bà mẹ tôi và tôi trả số tiền 200.000.000 đồng thì tôi chỉ đồng ý trả nợ khi nào ba mẹ tôi mất mà chưa trả hết nợ cho bà Nguyễn Thị Đ.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E:*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Rbam Y T, bà Trương Thị M, ông Rbam Trương Y Q phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ số nợ gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu) đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Rbam Y T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Rbam Y T.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, HĐXX xét thấy:

[3.1]. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Rbam Y T, bà Trương Thị M thừa nhận là có vay và còn nợ của bà Nguyễn Thị Đ số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu) đồng. Ông Rbam Y T, bà Trương Thị M chấp nhận trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu), nhưng ông Rbam Y T, bà Trương Thị M xin trả dần số tiền trên mỗi tháng 2.000.000 đồng. Đối với anh Rbam Trương Y Q, mặc dù anh Y Q không phải là người trực tiếp vay số tiền trên của bà Nguyễn Thị Đ. Tuy nhiên, anh Y Q đã biết về nội dung của hợp đồng vay và tự nguyện ký vào hợp đồng vay nêu trên. Mặt khác, bà Mai cũng thừa nhận việc vợ chồng bà vay số tiền trên là để phục vụ cuộc sống chung của gia đình. Do đó, anh Rbam Trương Y Q cùng phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Nguyễn Thị Đ.

[3.2]. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định ông Y Tam, bà Mai và anh Y Q có nợ của bà Đ số tiền 200.000.000 đồng cho đến nay vẫn chưa trả nợ cho bà Đ. Việc thiết lập hợp đồng vay tài sản giữa ông Y Tam, bà Mai và anh Y Q là hoàn

toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Đến thời hạn trả nợ, ông Y Tam, bà Mai và anh Y Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Đ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đ. Nên việc bà Đ khởi kiện yêu cầu ông Y Tam, bà Mai và anh Y Q phải trả số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu) là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4]. Về lãi suất: Do bà Đ không yêu cầu tính lãi suất nên không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên cần buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91, điểm c khoản 1 Điều 92, Điều 147, Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ.

**1.** Buộc ông Rbam Y T, bà Trương Thị M và anh Rbam Trương Y Q phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

**2.** Về án phí: Buộc ông Rbam Y T, bà Trương Thị M và anh Rbam Trương Y Q phải chịu 10.000.000 đồng (*Mười triệu*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E theo biên lai số AA/2021/0010947, ngày 04 tháng 4 năm 2022.

**3.** Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có*

*quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Bùi Quốc Hà**